

Bản án số: 102/2018/HS-ST
Ngày 12-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 504/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 653/2018/HSST-QĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn T, sinh ngày 03/3/1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu 9, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên Công an viên xã TT; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn K và bà Phạm Thị L; có vợ là Nguyễn Thị O và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 10/8/2017; có mặt.

2. Phạm Văn N, sinh ngày 05/11/1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu 3, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Đỗ Thị K1; có vợ là Nguyễn Thị B và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2018; có mặt.

3. Phạm Văn T1, sinh ngày 11/8/1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu 2, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên Phó trưởng Công an xã TT; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B1 và bà Phạm Thị N1; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2018; có mặt.

Bị hại:

Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm Kho, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người làm chứng:

Anh Lê Văn T3, anh Nguyễn Hải Đ, anh Nguyễn Hữu T4, anh Lê Văn N2, anh Phạm Quang T5, anh Vũ Văn T6, anh Lê Văn P đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 30/6/2017, tại nhà anh Phạm Văn T6 ở xóm Kho, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng, do mâu thuẫn trong khi uống rượu nên Phạm Văn T2, sinh năm 1984, cùng trú tại xóm Kho, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng đã tát hai cái vào mặt Phạm Văn T1. Đến khoảng 23h30' cùng ngày, tại quán bia nhà anh Nguyễn Hải Đ ở mặt đường 212 thuộc thôn Lộ Đông, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng có Phạm Văn T1, Ngô Văn T, Lê Văn T3, sinh năm 1986, ở khu 2, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng và một số người khác cùng ngồi uống bia thì Phạm Văn T2 và Phạm Văn N đến ngồi cùng uống bia, mục đích để hòa giải việc xô sát nêu trên với T1. Trong lúc rót bia cho mọi người, T làm đổ bia vào quần và giày của T2. T xin lỗi nhưng T2 không nghe và để giày của T2 lên bàn trước mặt T. T nhặt giày vứt về phía sau thì bị T2 cầm cốc bia bằng thủy tinh đập trúng vào đầu bên trái T làm cốc bị vỡ, mảnh thủy tinh bắn vào trán T3 gây rách da chảy máu. Sau đó, T2 túm cổ T và dòn T ra bờ tường chỗ gần cửa quán. Trong lúc T và T2 giằng co với nhau thì N cầm cốc bia bằng thủy tinh đập vào đầu bên phải của T làm cốc bị vỡ, mảnh thủy tinh bắn vào trán T1 gây rách da chảy máu. T3 dùng ghế nhựa đập một phát vào lưng T2 làm gãy ghế và dùng tay đánh N. T1 lấy trong người ra 01 gậy rút bằng kim loại sáng màu dài khoảng 60cm, có 3 đoạn, tay phải cầm gậy vút vào đầu, người, tay của T2 và vút vào người N. Lúc này T vùng ra được bỏ chạy đến xưởng cơ khí của anh Nguyễn Hữu T4 ở cách quán bia khoảng 15m, lấy 01 con dao (dạng dao rựa) dài khoảng 30 - 40cm, bản rộng khoảng 03 - 05cm, bằng kim loại màu đen, đầu dao bằng rìi quay lại quán bia. Thấy T2 đang đứng ở đường trước cửa quán, T đi đến đối diện với T2, tay phải cầm dao chém nhiều nhát vào phía đầu T2, T2 dơ tay lên đỡ thì bị thương ở vùng đầu và tay. Sau đó mọi người can ngăn T ra và đưa anh T2 đi cấp cứu tại Bệnh viện Việt Tiệp. Còn T cầm dao đi về phía cầu Lộ Đông, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Hải Phòng và ném dao xuống kênh thủy nông bên phải đường rồi đi về nhà.

Hiện trường của vụ án được xác định là khu vực hiên cửa và đoạn đường 212 trước quán bia nhà anh Nguyễn Hải Đ. Kết quả khám nghiệm hiện trường ghi nhận: Trên diện tích 17,6m x 4,5m trải dài phần đường bên phải hướng cầu Đen - Vàm Láng tính sát tim đường, phần gần nhất cách cột điện hình trụ 1,3m có nhiều vết máu nhỏ giọt mật độ khác nhau. Cơ quan điều tra đã thu giữ tại hiện trường: 01 đồng hồ đeo tay bị đứt dây đeo màu đen, nhãn hiệu Rado; 01 đôi dép tông màu vàng; 01 lỗ điều cây; 02 quai cốc thủy tinh và một số mảnh vỡ thủy tinh; một số mảnh nhựa màu vàng xác định là ghế nhựa của quán bị vỡ.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 342/2017/TgT ngày 13/7/2017 của T2 tâm Pháp y Hải Phòng kết luận đối với anh Phạm Văn T2: Nạn nhân bị vết thương vùng trán trái gây vỡ xương trán trái, vết thương vùng cổ bàn tay trái gây đứt gân cơ, gãy xương đốt 1 ngón IV bàn tay trái còn ảnh hưởng chức năng cổ tay, các ngón bàn tay trái và nhiều vết thương phần mềm vùng đầu mặt, vùng xương đòn phải, cẳng tay phải đã được điều trị, đang dần ổn định. Trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương vùng trán trái gây vỡ xương trán trái là 27%; vết thương cổ tay và các ngón bàn tay trái, gãy đốt 1 ngón IV tay trái là 25%; vết thương rách dập da vùng đỉnh chẩm là 03%; vết thương vùng góc hàm trái và xương đòn phải là 02%; vết thương cẳng tay phải là 08%; vết xây xước da vùng trên vai trái không đủ lớn để đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là: 52%. Các thương tích trên có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên, riêng vết thương rách dập da vùng đỉnh chẩm có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Ngày 03/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TL đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích số 62/TCGD đối với Ngô Văn T nhưng T đã từ chối giám định thương tích.

Sau khi gây án, đến ngày 10/8/2017, Ngô Văn T bị Cơ quan điều tra Công an huyện TL khởi tố bị can, bắt tạm giam. Ngày 23/5/2018, Phạm Văn N và Phạm Văn T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng khởi tố bị can và ra Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Về vật chứng: Đối với con dao T sử dụng để gây án và chiếc gậy rút bằng kim loại T1 dùng đánh T2 và N, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được. Các vật chứng thu tại hiện trường gồm: 01 đồng hồ đeo tay bị đứt dây đeo, 01 đôi dép tông màu vàng, 01 lỗ điều cây, 02 quai cốc thủy tinh và một số mảnh vỡ của cốc thủy tinh, một số mảnh vỡ của ghế nhựa màu vàng, chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Về dân sự: Sau khi gây án, T, T1 và T3 đã bồi thường cho anh T2 80.000.000 đồng (trong đó T1 bồi thường 30.000.000 đồng, T và T3 mỗi người bồi thường 25.000.000 đồng). Tại giai đoạn điều tra và truy tố, anh T2 yêu cầu T bồi thường tiếp 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền chi phí điều trị và tổn thất tinh thần.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS-P2 ngày 11 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015); bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn T1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa, các bị cáo Ngô Văn T, Phạm Văn N, Phạm Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị hại nêu quan điểm: Hiện tại bị hại sức khỏe đã ổn định. Bị hại không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm, đồng thời bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 93; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 18 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 2 Điều 123; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt: Ngô Văn T từ 8 đến 9 năm tù về tội “Giết người” (Chưa đạt).

Căn cứ khoản 1 Điều 245; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt: Phạm Văn T1 từ 9 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ khoản 1 Điều 245; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt: Phạm Văn N từ 9 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Về dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có lời nói sau cùng: Các bị cáo đều rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra tại Công an huyện TL, thành phố Hải Phòng có một số sai sót nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Kiến nghị số 02 ngày 12/7/2018, kiến nghị khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động khởi tố, điều tra đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TL. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Ngô Văn T, Phạm Văn N, Phạm Văn T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù lời khai của bị hại, những người làm chứng, phù hợp nội dung biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra, kết luận giám định pháp y về thương tích, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 23h30' ngày 30/6/2017, tại quán bia nhà anh Nguyễn Hải Đường ở đường 212 thôn Lộ Đông, xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng, xuất phát từ việc T vô ý làm đổ bia vào người, Phạm Văn T2 đã dùng cốc uống bia đập vào đầu Ngô Văn T và dùng tay đánh T, Phạm Văn N cũng cầm cốc uống bia đập vào đầu T, dẫn đến T đã dùng dao chém anh T2 nhiều nhát vào đầu và tay, làm anh T2 bị thương tích, tổn hại 52% sức khỏe. Phạm Văn T1 là Phó trưởng Công an xã TT khi thấy đánh nhau không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, xử lý theo quy định pháp luật mà lại sử dụng gậy rút bằng kim loại đánh anh T2 và N. Hành vi của Phạm Văn T1, Phạm Văn N tham gia đánh nhau gây mất trật tự trị an nơi công cộng. Do vậy hành vi nêu trên của bị cáo Ngô Văn T đã phạm tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015); hành vi của các bị cáo Phạm Văn N và Phạm Văn T1 đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo T thuộc loại tội rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo N và T1 thuộc loại tội ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo T xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, quyền được sống của con người; hành vi của các bị cáo N, T1 xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm. Do đó, cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] + Đối với tội “Giết người”: Sự việc trên xảy ra có một phần lỗi của bị hại Phạm Văn T2, hành vi của bị cáo Ngô Văn T không vi phạm tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 1 nên bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình năm 1999 (tương ứng khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015).

[5] + Đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”: Hành vi của các bị cáo Phạm Văn N và Phạm Văn T1 tham gia đánh nhau gây mất trật tự trị an nơi công cộng, không vi phạm các tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều này nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015). Xét thấy khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với Điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy căn cứ Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, cần áp dụng khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo.

- Về hình phạt:

[6] + Đối với tội “Giết người”: Nhân thân bị cáo Ngô Văn T không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị hại có lỗi đã đánh bị cáo T gây thương tích dẫn đến bị cáo bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra nên dùng dao chém bị hại. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 25 triệu đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa, bị hại tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, gia đình bị cáo T còn có công với cách mạng: bố bị cáo được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, ông nội bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015) đối với bị cáo T. Bị cáo phạm tội chưa đạt nên cần áp dụng Điều 18 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét tính chất vụ án, bản thân bị cáo nguyên là Công an viên xã TT, huyện TL; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015) nên chỉ cần xử phạt bị cáo mức án trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015) cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[8] + Đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”: Nhân thân các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn N không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, cả 2 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015). Ngoài ra, bị cáo T1 đã tự nguyện hỗ trợ cho anh Phạm Văn T2 số tiền 30 triệu đồng; bị cáo có thời gian tham gia quân đội, được tặng giấy khen trong quá trình công tác nên cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật

Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015) đối với bị cáo. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo thì các bị cáo N và T1 có đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015) cho các bị cáo N, T1 được cải tạo ngoài xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn nên mức hình phạt của bị cáo T1 sẽ thấp hơn so với bị cáo N.

[9] *Về dân sự*: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về xử lý vật chứng*:

[10] Đối với con dao T sử dụng để gây án và chiếc gậy rút bằng kim loại T1 dùng đánh T2 và N, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Các vật chứng thu tại hiện trường gồm: 01 đôi dép tông màu vàng, 01 lỗ điều cày, 02 quai cốc thủy tinh và một số mảnh vỡ của cốc thủy tinh, một số mảnh vỡ của ghế nhựa màu vàng đều không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với 01 đồng hồ đeo tay bị đứt dây đeo là tài sản cá nhân của bị cáo N. Tại phiên tòa, bị cáo N xin nhận lại, vì vậy cần trả lại đồng hồ trên cho bị cáo.

[12] Đối với Phạm Văn T2 có hành vi đập cốc bia vào đầu Ngô Văn T gây thương tích, T từ chối giám định thương tích nên không có căn cứ xử lý về tội Cố ý gây thương tích. Hành vi của T2 có dấu hiệu của tội Gây rối trật tự công cộng nhưng do T2 là người bị hại nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự. Còn Lê Văn T3 khi bị mảnh cốc thủy tinh bắn vào trán gây chảy máu mới dùng ghế đánh T2 và dùng tay đánh N. Xét T3 chưa có tiền án, tiền sự, hành vi vi phạm có mức độ, chưa đến mức xử lý bằng hình sự. Do vậy Cơ quan điều tra đã có công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TT ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Phạm Văn T2 và Lê Văn T3.

[13] Đối với một số tài sản của quán bia nhà anh Nguyễn Hải Đ bị hư hỏng trong khi xảy ra đánh nhau gồm ghế nhựa, cốc thủy tinh và con dao T lấy ở xưởng nhà anh Nguyễn Hữu T4. Anh Đ và anh T4 không yêu cầu bồi thường, vì vậy không xem xét xử lý.

[14] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án*: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 93; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 18 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 2 Điều 123; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt:

Ngô Văn T 08 (*Tám*) năm tù về tội “Giết người” (Chưa đạt). Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 245; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt: Phạm Văn T1 12 (*Mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 245; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt: Phạm Văn N 15 (*Mười lăm*) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn N cho UBND xã TT, huyện TL, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách tại địa phương, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ công dân 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định chuyển án treo thành tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo N, T1.

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy 01 (*một*) đôi dép tông màu vàng, 01 (*một*) lỗ điều cày, 02 (*hai*) quai cốc thủy tinh và một số mảnh vỡ của cốc thủy tinh, một số mảnh vỡ của ghế nhựa màu vàng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn N 01 (*một*) đồng hồ đeo tay bị đứt dây đeo.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/7/2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Ngô Văn T, Phạm Văn N và Phạm Văn T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 61; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Các bị cáo và bị hại (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công anTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở T1 pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình